

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2019/DS-PT

Ngày 23/7/2019.

*“ Về việc: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng

Ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 33/2019/TLDS - PT ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:01/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2019/QĐXXPT- DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Đ 5, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2.Bị đơn: Ông Phan Hoàng A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn H 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1987, Luật sư - Công ty luật TNHH DRAGON.

Địa chỉ: Phòng 6, Tầng 14, Tòa Vimeco, Lô E9, đường P, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/02/2018 khi bà M đang điều khiển xe mô tô đi trên đoạn đường hướng từ Chiêm Hóa đi Tuyên Quang thì bị xe ô tô do ông Phan Hoàng A điều khiển đi từ trong ngõ ra đâm vào bà

M gây tai nạn. Khi sự việc xảy ra bà M đã phải điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện C 06 ngày, đi khám bệnh tại Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Mắt Trung ương, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai 11 ngày. Ngày 16/4/2018 bà M đã tiến hành thủ tục giám định tại trung tâm giám định pháp y tỉnh Tuyên Quang, kết quả tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16%. Công an huyện C đã giải quyết vụ việc và kết luận nguyên nhân gây tai nạn lỗi hoàn toàn do ông Phan Hoàng A vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, được quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật số 23/2008/QH12 Luật Giao thông đường bộ. Do vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Hoàng A bồi thường cho bà các khoản chi phí như sau:

- Chi phí khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện C: 1.500.000 đồng;
 - Chi phí khám bệnh tại Bệnh viện Việt Đức: 6.132.000 đồng (trong đó: khám bệnh 1.481.000đ; tiền bó bột 2.000.000đ; tiền nạng 300.000đ; tiền thuốc 2.351.000đ).
 - Chi phí khám bệnh tại Bệnh viện Mắt Trung ương: 1.840.000 đồng (tiền khám 150.000đ; tiền thuốc 428.000đ; tiền chụp CT ổ mắt 1.262.000đ).
 - Chi phí khám bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội: 320.000đ.
 - Chi phí khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai: 7.153.000 đồng (tiền viện phí 6.310.000đ; tiền thuốc 843.000đ).
 - Tiền taxi đi lại trong quá trình khám ở Hà Nội: 881.000đ.
 - Chi phí khám lại tại Bệnh viện Việt Đức: 1.905.000 đồng (tiền khám lại 338.000đ; tiền thuốc 1.567.000đ).
 - Tiền thuê xe ô tô từ Bệnh viện đa khoa huyện C đến Bệnh viện Việt Đức và xuất viện từ Bệnh viện Bạch Mai về Thôn Đ 5, xã N, huyện C: 5.000.000 đồng.
 - Tiền thiệt hại trong thời gian không đi làm được: 4 tháng x 4.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.
 - Tiền công của người chăm sóc: 3 tháng x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.
 - Tiền giám định sức khỏe: 3.065.000 đồng.
 - Tiền tổn thất tinh thần: 1.300.000đ x 10 tháng = 13.000.000 đồng;
 - Tiền hồi phục sức khỏe sau tai nạn: 15.000.000 đồng.
- Tổng số tiền bà M yêu cầu ông Phan Hoàng A bồi thường là 80.796.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hóa đơn số 654875; 654612 tại Bệnh viện Việt Đức với số tiền 696.000 đồng (lý do đây là hóa đơn bà M đi khám tại Bệnh viện Việt Đức trước thời điểm xảy ra tai nạn, do sơ suất trong quá trình giao nộp tài liệu chứng cứ đã nộp lẫn cùng các hóa đơn khác). Bà M yêu cầu ông Phan Hoàng A bồi thường tổng số tiền (80.796.000 đồng - 696.000đ) là 80.100.000đ.

Đối với bị đơn ông Phan Hoàng A: Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ) cho ông Phan Hoàng A. Ông Phan Hoàng A thừa nhận ông đã được vợ ông báo cho biết nhưng hai lần ông vắng mặt không thể tham gia hòa giải tại Tòa án vì lý do khách quan, nhưng ông Hoàng A không có văn bản nêu lý do vắng mặt và ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Ngày 10/10/2018 ông Phan Hoàng A có đơn đề nghị TAND huyện C đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền là Tòa án nơi bị đơn cư trú, với lý do thực tế ông không còn sinh sống tại tỉnh Tuyên Quang mà hiện ông cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện C xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590, Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Ông Phan Hoàng A phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe đối với bà Nguyễn Thị M số tiền là 53.507.000đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng*) .

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng A, đơn ghi ngày 25/2/2019, đơn kháng cáo có nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm. Vì sau hai lần ông không thể tham gia hòa giải tại Tòa án do ông có những lý do khách quan, ông là đương sự có quyền được nhận thông báo họp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo khoản 12 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Khoản 1 Điều 22 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về “Trách nhiệm chuyển giao tài liệu, giấy tờ của Tòa án”, như vậy Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 19/12/2018 cho ông được biết, được tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Theo Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thời hạn kháng cáo, ông vì lý do chính đáng (không được Tòa án thông báo triệu tập phiên tòa) nên không thể có

mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó ông có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ông nhận được bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngày 22/4/2019 ông Phan Hoàng A có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông là đương sự trong vụ án nhưng không nhận được văn bản do Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt về việc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 19/12/2018, do đó ông không thể tham gia phiên tòa làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông. Đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại từ đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn người kháng cáo ông Phan Hoàng A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 19/12/2018 cho ông được biết, được tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ông chỉ kháng cáo về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, không kháng cáo về nội dung vụ án, về các nội dung khác và ông Phan Hoàng A trình bày: Vợ ông nhận văn bản tố tụng của Tòa án và báo cho ông biết về phiên hòa giải của Tòa án nhưng hai lần ông vắng mặt tại phiên hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm lý do một lần ông đang ở Hải Phòng, một lần ông đang ở Lai Châu nên không thể có mặt. Sau đó ông không có văn bản gửi Tòa án nêu lý do vắng mặt cũng không có văn bản gửi Tòa án nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Ông sinh sống cùng vợ con tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C, tháng 10/2018 ông xóa đăng ký tạm trú tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C lý do để về chăm sóc Bố đẻ ốm đau thường xuyên tại xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, nhưng ông vẫn thường xuyên đi về sống cùng vợ con tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C. Ông không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư ông Nguyễn Đức N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng các quy định về tổng đạt trong Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại khoản 4,5 Điều 177 về thủ tục cấp tổng đạt thông báo trực tiếp cho cá nhân; Điều 179 quy định về thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng; khoản 2 Điều 259 quy định việc thông báo tổng đạt thông báo quyết định tạm ngừng phiên tòa. Khoản 6 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm và phúc thẩm được đảm bảo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại từ đầu, đảm bảo cho ông Phan Hoàng A được tham gia đầy đủ hai cấp xét xử theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Hoàng A đều vắng mặt bà phải đi lại rất nhiều lần (17,18 lần), bà bị ông Hoàng A gây tai nạn chấn thương đầu, chân bị gãy phải chịu đau đớn, phải đi điều trị rất nhiều bệnh viện sức khỏe mới tạm ổn. Lỗi hoàn toàn do bị đơn gây ra. Từ khi bà đi điều trị cho đến nay phải chi phí rất nhiều để phục hồi sức khỏe nhưng ông Hoàng A chưa bồi thường cho bà một khoản tiền nào và

không đến phiên tòa để giải quyết việc bồi thường, bà không nhất trí yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng A nhanh chóng bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả đảm bảo quyền lợi cho bà là người bị hại.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung đơn kháng cáo của bị đơn của ông Phan Hoàng A nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Ông Phan Hoàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng A: Đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 19/12/2018 cho ông được biết, được tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án từ ngày 17 đến ngày 19/12/2018, ông Phan Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa, sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng A. Việc kháng cáo của ông Phan Hoàng A đã quá thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Quyết định số 12/2019/QĐ-PT ngày 25/3/2019, Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Phan Hoàng A đối với bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Phan Hoàng A không có mặt do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng (thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải) đối với ông Phan Hoàng A. Tại đơn kháng cáo ông Phan Hoàng A thừa nhận hai lần ông không thể tham gia hòa giải tại Tòa án do ông có những lý do khách quan, như vậy ông Phan Hoàng A biết thời gian địa điểm Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và mở phiên hòa giải để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đòi ông phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà M. Ông Phan Hoàng A vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải nhưng không có tài liệu gửi cho Tòa án chứng minh việc vắng mặt là có lý do chính đáng, cũng không có văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Như vậy ông đã tự từ bỏ không thực hiện quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2018 và ngày 11/10/2018 Công an thị trấn V, huyện C xác nhận: Tại sổ đăng ký tạm trú quyền số 01, ông Phan Hoàng A sinh năm 1977, nơi thường trú xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đăng ký hộ khẩu tạm trú tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C, ngày đăng ký tạm trú 25/5/2018 thời hạn đến hết ngày 30/12/2019. Tại thời điểm xác minh ông Phan Hoàng A vẫn sinh sống cùng vợ con tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C và làm nghề lái Taxi. Biên bản xác minh ngày 23/10/2018 Công an thị trấn V huyện C xác nhận: Ngày 22/10/2018 ông Phan Hoàng A làm thủ tục xóa tạm trú tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng A thừa nhận ông vẫn thường xuyên đi về sinh sống cùng vợ con tại tổ Đ, thị trấn V, huyện C.

Ngày 08/10/2018 ông Phan Hoàng A cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận của Công an xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ về việc ông Phan Hoàng A đang ở tại thôn H 3 xã C, huyện Đ và cùng ngày ông có đơn gửi Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Phú Thọ (nơi bị đơn cư trú) để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại công văn số 618/CV-TA ngày 15/10/2018 Tòa án cấp sơ thẩm trả lời và thông báo cho ông Phan Hoàng A biết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2018/QĐXXST-DS ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, lý do ông Phan Hoàng A từ chối không nhận quyết định, mẹ ông Phan Hoàng A từ chối không nhận hộ quyết định (có xác nhận của UBND xã C). Như vậy ông Hoàng A cũng đã biết việc Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm phải thực hiện niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định ngày mở lại phiên tòa và niêm yết bản án số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C cho ông Phan Hoàng A tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ; tại trụ sở UBND xã C, huyện Đ (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Phan Hoàng A); tại hội trường Thôn H 3, xã C, huyện Đ. Thủ tục niêm yết đã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng việc niêm yết chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, điều luật quy định: Niêm yết bản sao tại nơi cư trú của cá nhân được cấp, tổng đạt. Như vậy Tòa án

cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định ngày mở lại phiên tòa và bản án sơ thẩm tại nơi ở của ông Phan Hoàng A. Tuy nhiên ông Phan Hoàng A đã được nhận bản án sơ thẩm, đã thực hiện quyền kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Phan Hoàng A. Kháng cáo của ông Hoàng A đã được Tòa án xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, do đó quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Hoàng A không bị xâm phạm. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hoàng A đã được sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hoàng A đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Phan Hoàng A không được chấp nhận nên ông Phan Hoàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoàng A, đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001818, ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Ông Phan Hoàng A đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/7/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND huyện C;
- Cc THADS h. C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Hồ Loan